



BẢN TIN

Tài nguyên nước

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC



SỐ 07 2020



Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ngày 01/7, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) đã ban hành Quyết định số 1444/QĐ-BTNMT về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong 06 tháng đầu năm 2020.

Theo Quyết định, Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong 06 tháng đầu năm 2020 bao gồm 32 văn bản, trong đó: Lĩnh vực đất đai 3 văn bản; lĩnh vực tài nguyên nước 2 văn bản; lĩnh vực khoáng sản 5 văn bản; lĩnh vực môi trường 11 văn bản; lĩnh

vực khí tượng thủy văn 01 văn bản; lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý 7 văn bản; các lĩnh vực khác là 3 văn bản.

Trong đó, 02 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ trong lĩnh vực tài nguyên nước bao gồm: (1) Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 3/4/2017 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản hết hiệu lực từ ngày 10/5/2020 (do Bị thay thế bởi Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản). (2) Quyết định số 15/2008/QĐBTNMT ngày 31/12/2008 ban hành quy định bảo vệ tài nguyên nước dưới đất, hết hiệu lực từ ngày

15/2/2020 (bị bãi bỏ bởi Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong 06 tháng đầu năm 2020 bao gồm 16 văn bản, trong đó: Lĩnh vực đất đai 4 văn bản; lĩnh vực khoáng sản 1 văn bản; lĩnh vực môi trường 4 văn bản; lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý 4 văn bản; lĩnh vực chung 3 văn bản.❖

Nguồn: DWRM

Kiện toàn Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ngày 26/6, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà đã ký ban hành Quyết định số 1399/QĐ-BTNMT về việc phê duyệt Đề án kiện toàn Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Theo đó, phương án kiện toàn được thực hiện như sau: Tổ chức kiện toàn, thống nhất một đầu mối thực hiện công tác tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Trên cơ sở hợp nhất hoạt động của các đơn vị đang thực hiện công tác tiếp nhận và trả kết quả gồm Bộ phận một cửa các đơn vị: Tổng cục

Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (hồ sơ lĩnh vực địa chất khoáng sản), Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam (hồ sơ lĩnh vực đo đạc và bản đồ) vào Văn phòng Một cửa của Bộ, đồng thời bổ sung nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực: (1) Biển và hải đảo; (2) Viễn thám (3) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường để Văn phòng Một cửa của Bộ là đầu mối tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Bộ trưởng Bộ TN&MT giao Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính và Văn thư, lưu trữ trực thuộc Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ Văn phòng Một cửa của Bộ. Một lãnh đạo Văn phòng Bộ

kiêm nhiệm Chánh Văn phòng Một cửa; Trưởng Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính và Văn thư, lưu trữ kiêm nhiệm Phó Chánh Văn phòng Một cửa; bố trí, phân công từ 01 đến 02 công chức của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính và Văn thư, lưu trữ thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng Một cửa.

Các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ, Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, mỗi đơn vị bố trí ít nhất 01 cán bộ, công chức đến làm việc kiêm nhiệm tại Văn phòng Một cửa để tiếp nhận, rà soát tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, thống kê, báo cáo tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (các lĩnh vực có số lượng hồ sơ phát sinh lớn cử 01 cán bộ chính thức và 01 cán bộ dự phòng).❖

Nguồn: DWRM



Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 20/7, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1055/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Mục tiêu chung của Kế hoạch nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động của BĐKH thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với BĐKH vào hệ thống chiến lược, quy hoạch.

Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH được phân kỳ theo các giai đoạn: 2021 - 2025, 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể:

Giai đoạn 2021 - 2025: Tập trung hoàn thiện cơ chế chính sách về thích ứng với BĐKH; chuẩn bị cơ sở pháp lý và điều kiện kỹ thuật nhằm thúc đẩy lồng ghép nội dung BĐKH vào các chính sách, hệ thống chiến lược, quy hoạch; triển khai thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ ưu tiên nhằm nâng cao năng

lực ứng phó với thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và những diễn biến bất thường của khí hậu, thời tiết.

Giai đoạn 2026 - 2030: Tiếp tục tăng cường phối hợp, lồng ghép các hoạt động trong triển khai các giải pháp, nhiệm vụ nhằm nâng cao năng lực của các ngành, lĩnh vực, các thành phần kinh tế, cộng đồng và hệ sinh thái để tăng khả năng chống chịu trước BĐKH và sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu. Nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng, khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của BĐKH. Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích trong giảm nhẹ các rủi ro do BĐKH và hiệu quả về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường.

Tầm nhìn đến năm 2050: Giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050 sẽ phát huy kết quả đạt được của giai đoạn 2021 - 2030, tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với BĐKH của con người, cơ sở hạ tầng và các hệ thống tự nhiên, nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững quốc gia trong bối cảnh BĐKH và an toàn trước thiên tai. Thực hiện lồng ghép thích ứng BĐKH trong tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội nhằm chủ động thích ứng với BĐKH, tận dụng các cơ hội từ BĐKH để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tích cực với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với BĐKH và bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất. ❖

Nguồn: DWRM

Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Mới đây, Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản báo cáo Văn phòng Chính phủ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đề xuất các DVCTT tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia giai đoạn 2020 - 2021 của Bộ.

Theo đó, căn cứ chỉ tiêu về cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ và Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch trong năm 2020 hoàn thành việc tích hợp, cung cấp 30% các DVCTT mức độ 3, mức độ 4 của bộ, ngành, địa phương; căn cứ tình hình triển khai, cung cấp DVCTT trên

Cổng Dịch vụ công của Bộ hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất tích hợp, cung cấp tổng số 115 DVCTT mức độ 3, 4 gồm 66 DVC mức độ 3; 49 DVC mức độ 4 (đã hoàn thành tích hợp 03 DVC mức độ 4) trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia trong giai đoạn 2020 - 2021, với lộ trình như sau:

Trong Quý II/2020, hoàn thành tích hợp, cung cấp 28 DVCTT trong đó gồm: 14 DVCTT mức độ 3; 14 DVCTT mức độ 4.

Trong Quý III/2020, hoàn thành tích hợp, cung cấp 28 DVCTT trong đó gồm: 11 DVCTT mức độ 3; 17 DVCTT mức độ 4.

Trong Quý IV/2020, hoàn thành tích hợp, cung cấp 27 DVCTT trong đó gồm: 21 DVCTT mức độ 3; 06 DVCTT mức độ 4.

Trong Quý I/2021, hoàn thành tích hợp, cung cấp 27 DVCTT trong đó gồm: 20 DVCTT mức độ 3; 09 DVCTT mức độ 4. ❖

Nguồn: MONRE



Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước

Mới đây, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà đã ký Quyết định số 1610/QĐ-BTNMT về việc ban hành Quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT).

Theo đó, Quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, bao gồm 09 Quy trình: (1) Quy trình cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; (2) Quy trình gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; (3) Quy trình cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; (4) Quy trình cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; (5) Quy trình gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; (6) Quy trình cấp lại giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; (7) Quy trình cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn; (8) Quy trình gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn; (9)

Quy trình điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông báo số 33/TB-BTNMT ngày 22/4/2020 về các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch Covid 19 và thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg, Cục Quản lý tài nguyên nước đã chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Bộ TN&MT với mục tiêu đảm bảo nguyên tắc khoa học, hiệu quả, rút ngắn thời gian thực hiện theo tinh thần: Rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả.

Theo đó, so với quy định tại Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ, tổng thời gian của các Quy trình nội bộ đã giảm từ 45 ngày theo quy định xuống còn 40 ngày đối với quy trình cấp mới giấy phép; giảm từ 35 ngày theo quy định xuống còn 33 ngày đối với Quy trình điều chỉnh, gia hạn giấy phép và giảm từ 20 ngày theo quy định xuống còn 17 ngày đối với quy trình cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: Hồ sơ cấp mới tối đa 21 ngày làm việc; gia hạn, điều chỉnh tối đa 16 ngày làm việc.

Đối với hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Thời hạn tối đa 17 ngày làm việc. ❖

Nguồn: DWRM

Thủy điện Bản Vẽ lắp đặt 12 trạm đo mưa trên nước bạn Lào

Đó là thông tin được công bố tại cuộc họp giữa đoàn công tác Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Nghệ An do đồng chí Thiếu tướng Trần Văn Nam - Phó Tư lệnh, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển chủ trì hôm 9/7.

Theo đó, chủ đầu tư là Công ty Thủy điện Bản Vẽ đã đầu tư lắp đặt 1 trạm thủy văn đo lưu lượng tại xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn; Phối hợp với đơn vị quan trắc KTTV để lắp đặt và mua số liệu đo mưa tự động của 21 trạm đo mưa trên lưu vực, trong đó có 9 trạm trên lãnh thổ Việt Nam và 12 trạm trên lãnh thổ nước bạn Lào.

Việc làm này nhằm khắc phục hạn chế trong thông tin dự báo lũ nhiều năm qua do công trình hồ chứa thủy điện Bản Vẽ có diện tích lưu vực 8.700km², trong đó 80% thuộc lãnh thổ Lào, chỉ 20% thuộc phía Việt Nam.

Ngoài ra, để đảm bảo thông tin liên lạc, thông tin đến chính quyền và người dân trong quá trình vận hành hồ chứa, trong năm 2020, Công ty Thủy điện Bản Vẽ cũng cam kết duy trì liên lạc với các cấp chính quyền địa phương từ tỉnh đến huyện, xã, thôn, bản. Lắp đặt hệ thống loa cảnh báo lũ ở vùng hạ du, phối hợp với Viettel để thực hiện nhắn tin tự động đến các chính quyền, tổ chức, đoàn thể, từng hộ dân trong mùa mưa bão 2020.

Thủy điện Bản Vẽ là công trình thủy điện lớn nhất ở Nghệ An được xây dựng trên sông Nậm Nơn, xã Yên Na (Tương Dương). Công trình được khởi công từ 8/2004, tổng mức đầu tư 7.800 tỷ đồng,

có công suất thiết kế 320MW. Chiều cao đập 135m, mực nước dâng bình thường 200m, mực nước phòng lũ 192,5m.

Mức an toàn của đập Thủy điện Bản Vẽ có thể chống lũ với lưu lượng trên 10.500 m³/s, tương ứng với trận lũ 5.000 năm mới xảy ra một lần. Từ khi đi vào vận hành sản xuất thì trận lũ lớn nhất ở đây là trận lũ cuối tháng 8/2018 với lưu lượng xả 4.260 m³/s, nhỏ hơn so với mức thiết kế là 10.500m³/s. Sau khi thực hiện nhiệm vụ giảm lũ cho hạ du, từ ngày 1/9 bắt đầu tích nước hồ để phục vụ cấp nước cho hạ du mùa cạn năm sau. ❖

Nguồn: baonghean.vn



Đoàn công tác của Quốc hội làm việc về an ninh nguồn nước tại một số tỉnh, thành phố

TẠI TỈNH THANH HÓA

Sáng ngày 02/7, Đoàn công tác của Quốc hội do Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển làm Trưởng đoàn đã có cuộc làm việc với UBND tỉnh Thanh Hóa về an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và quản lý an toàn hồ, đập.

Cùng dự có: Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Phan Xuân Dũng; Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính - Ngân sách Nguyễn Đức Hải; đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường...

Báo cáo với Đoàn công tác, đại diện UBND tỉnh Thanh Hóa cho biết, để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định, bảo đảm không bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra, địa phương đã xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước tỉnh Thanh Hóa; Ban hành "Quy chế phối hợp Quản lý, bảo vệ nguồn nước và môi trường lưu vực sông Mã, sông Bưởi vùng giáp ranh giữa tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Sơn La và tỉnh Hòa Bình"; Phê duyệt danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;...

UBND tỉnh Thanh Hóa kiến nghị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết về an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chính phủ có quy chế phối hợp với Chính phủ Lào về việc cung cấp thông tin mưa, lũ trên lưu vực sông Mã, sông Chu phía nước bạn Lào để Thanh Hóa kịp thời ứng phó trong mùa mưa, lũ; quan tâm bố trí nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ doanh nghiệp theo tiêu chí ban hành tại Nghị định số 57/2016/NĐ-CP ngày 17.4.2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Phát biểu tại cuộc làm việc, Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển cho rằng, với diện tích rộng và dân số hơn 3,6 triệu dân thì vấn đề an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và quản lý an toàn hồ, đập là vô cùng quan trọng đối với địa phương.

Ghi nhận những kiến nghị của Thanh Hóa, Phó Chủ tịch Quốc hội đề nghị, Thanh Hóa cần ưu tiên nguồn lực để thực hiện sửa chữa ngay 78 hồ chứa bị hư hỏng, mất an toàn; khoanh vùng các diện tích có nguy cơ bị hạn hán; ưu tiên lượng nước cung cấp cho sinh hoạt, gia súc và cây trồng lâu năm có giá trị kinh tế cao...❖

TẠI TỈNH NGHỆ AN

Chiều ngày 02/7, Đoàn công tác của Quốc hội đã có buổi làm việc với UBND tỉnh Nghệ An về an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và quản lý an toàn hồ, đập.

Báo cáo với Đoàn công tác, đại diện UBND tỉnh Nghệ An cho biết, đến nay Nghệ An đã xây dựng được 2.447 công trình thủy lợi lớn, nhỏ, trong đó có 1.061 hồ chứa, 396 đập dâng, 615 trạm bơm, 373 công trình khác và 2 hệ thống thủy lợi lớn là: Hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An và Hệ thống thủy lợi Nam Nghệ An.

Số dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo chỉ tiêu tăng từ 83% lên 83,9%, tương đương khoảng 22.500 người. Ước tính cuối năm 2020 đạt 85% dân số sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Tại buổi làm việc, đại diện tỉnh Nghệ An cũng kiến nghị Quốc hội nghiên cứu ban hành Nghị quyết về an ninh nguồn nước và an toàn đập. Đối với hồ chứa nước Bản Mông, tỉnh kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ưu tiên bố trí khoảng 3.500 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ trung hạn 2021-2025 để hoàn thành Dự án.

Phát biểu tại cuộc làm việc, nhấn mạnh vai trò quan trọng quản lý an toàn hồ, đập chứa nước, Phó Chủ tịch Quốc hội



Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển - Trưởng đoàn công tác làm việc với UBND tỉnh Nghệ An về an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và quản lý an toàn hồ, đập

đề nghị, Nghệ An cần tăng cường kiểm tra các bộ phận xung yếu của công trình hồ, đập chứa nước để kịp thời sửa chữa những hạng mục ách yếu trước mùa lũ. Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo và công tác truyền thông cho toàn dân hiểu được tình hình bất thường của thời tiết, diễn biến thiên tai để chủ động ứng phó. Bên cạnh đó, với ảnh hưởng biến đổi khí hậu có thể dẫn đến nơi thì khô hạn, nơi thì lũ lụt thì yêu cầu đặt ra với địa phương chính là cần có cơ chế điều tiết hợp lý, tránh gây ra thiệt hại nặng nề.❖



TẠI TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Ngày 4/7, Đoàn công tác của Quốc Hội do Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển làm Trưởng đoàn đã làm việc với tỉnh Thừa Thiên - Huế về tình hình phát triển kinh tế - xã hội; triển khai thực hiện Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị; tình hình thực hiện an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và quản lý an toàn hồ đập trên địa bàn tỉnh.

Báo cáo tại buổi làm việc, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế Phan Ngọc Thọ cho biết, tỉnh hiện có 56 hồ chứa thủy lợi, 12 hồ thủy điện với tổng dung tích khoảng 2.000 triệu m³. Trong những năm qua, nhờ chủ động nguồn nước từ các hồ chứa kết hợp các đập thủy lợi khu vực hạ du nên đảm bảo cấp nước dân sinh và phục vụ tưới tiêu cho 61.299 ha lúa, hoa màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản, hạn chế thiệt hại do hạn hán gây ra vùng hạ du. Các hồ chứa thủy lợi, thủy điện hoạt động bình thường, vận hành khai thác đảm bảo an toàn, đúng quy trình phê duyệt. Toàn

tỉnh có 31 nhà máy nước sạch và 36 công trình tự chảy. Đến nay, trên địa bàn có 135/145 xã, phường và thị trấn sử dụng nguồn nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn từ các nhà máy nước của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên-Huế (HueWACO) quản lý, với tỷ lệ hộ gia đình toàn tỉnh sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đạt 90%.

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển đánh giá cao sự nỗ lực cố gắng của tỉnh Thừa Thiên - Huế trong thời gian qua. Thừa Thiên - Huế là tỉnh có lượng mưa lớn, đã từng có nhiều trận lũ lịch sử; có nhiều hồ đập, với dung tích trữ nước rất lớn. Vì vậy, vấn đề an toàn hồ đập phải luôn đặt lên hàng đầu. Hiện nay, có 9 hồ đập xuống cấp, địa phương cần có phương án hỗ trợ sửa chữa ngay. Tỉnh cũng cần xây dựng quy hoạch hệ thống đê thủy lợi để tránh những thiệt hại về kinh tế. Cần đưa vấn đề an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập vào mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh. ❖

TẠI TP. ĐÀ NẴNG VÀ TỈNH QUẢNG NAM

Ngày 5/7, Đoàn công tác của Quốc hội đã làm việc với UBND tỉnh Quảng Nam và TP. Đà Nẵng về an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và quản lý an toàn hồ, đập.

Theo báo cáo của UBND TP. Đà Nẵng, trên địa bàn TP có 73 công trình thủy lợi gồm: 20 hồ chứa, 29 đập dâng và 24 trạm bơm phục vụ tưới cho khoảng 5.700 ha lúa/năm. Về công tác an toàn hồ, đập, hàng năm trước mùa mưa bão, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP. Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương kiểm tra đánh giá thực trạng đập, hồ chứa. Hiện nay 6 hồ chứa đã được đầu tư nâng cấp, sửa chữa nhằm đạt mục tiêu an toàn hồ, 2 hồ chứa đã được sửa chữa và kiểm định an toàn hồ, đập (Đồng Nghệ và Hòa Trung), 8 hồ chứa nhỏ chuẩn bị đầu tư nâng cấp, sửa chữa năm 2020.

Lãnh đạo UBND TP. Đà Nẵng kiến nghị, cần có quy định, hướng dẫn cụ thể việc triển khai cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên thực địa (số lượng mốc, cách xác định các vị trí cắm mốc đối với sông, suối) để các địa phương có cơ sở thực hiện theo quy định tại Luật Tài nguyên nước và Nghị định số 43/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước. Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 7/11/2017 quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước do phát sinh một số bất cập trên thực tế.

Còn tại tỉnh Quảng Nam, đại diện lãnh đạo tỉnh Quảng Nam cho biết, đến nay, trên địa bàn tỉnh đã đưa vào vận hành, khai thác sử dụng 13 hồ chứa thủy lợi với tổng dung tích xấp xỉ 525 triệu m³ nước, 262 trạm bơm điện; 867 đập dâng cấp nước tưới cho 73.964ha/năm; 22 công trình thủy điện với tổng công suất 1.273,96MW và 473 công trình cấp nước nông thôn, với tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt và nước hợp vệ sinh là 91,51% và sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 39,20%.



Đại diện lãnh đạo tỉnh Quảng Nam cho biết, đến nay, trên địa bàn tỉnh đã đưa vào vận hành, khai thác sử dụng 13 hồ chứa thủy lợi với tổng dung tích xấp xỉ 525 triệu m³ nước

Phát biểu tại buổi làm việc với UBND TP. Đà Nẵng, Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển cho rằng, áp lực của Thành phố về nhu cầu sử dụng nước là rất lớn khi dân số ngày càng tăng. Phó Chủ tịch Quốc hội cho rằng, Đà Nẵng phải có kế hoạch trong tương lai, bảo đảm đủ nước sinh hoạt cho nhân dân, đặc biệt hơn là với địa phương phát triển kinh tế du lịch như Đà Nẵng.

Đối với an toàn hồ, đập, Phó Chủ tịch Quốc hội đề nghị, cần tiếp tục thực hiện tốt Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn mà Thủ tướng đã ban hành; triển khai các giải pháp điều phối để khắc phục tình trạng hạn hán thiếu nước vào mùa khô và lũ lụt ở mùa mưa.

Còn đối với tỉnh Quảng Nam, Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển cũng lưu ý Quảng Nam cần chú trọng kiểm tra, giám sát các công trình có nguy cơ mất an toàn cao và ưu tiên để sửa chữa. Với thực trạng biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, Phó Chủ tịch Quốc hội đề nghị Quảng Nam cần có quy hoạch hệ thống thủy lợi, thủy điện nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và quản lý an toàn hồ, đập.

Nguồn: DWRM (tổng hợp)



Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chiều 1/7, Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa đã nghe các đơn vị báo cáo về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Triển khai thực hiện Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật và nhiệm vụ rà soát của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật, Bộ TN&MT đã tích cực triển khai. Kết quả thực hiện như sau:

Tổng số văn bản đã được rà soát: 796 văn bản; trong đó, 611 văn bản do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo thẩm quyền, liên tịch ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành; văn bản do cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, gồm: 08 Luật; 02 Nghị quyết của Quốc hội; 01 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; 52 Nghị định

của Chính phủ; 48 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 02 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; 05 Nghị quyết liên tịch của Bộ trưởng; 01 Chỉ thị của Bộ trưởng; 28 Quyết định của Bộ trưởng; 52 Thông tư liên tịch; 412 Thông tư.

Phát biểu chỉ đạo tại cuộc họp, Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa nhấn mạnh về tầm quan trọng của công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Việc rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển là hoạt động quan trọng, nhằm phát hiện các quy định trái pháp luật, chông chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, hoặc ban hành văn bản mới, sửa đổi, bổ sung, góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả thực thi pháp luật. Vì vậy Thứ

trưởng đề nghị các đơn vị cần tập trung nguồn lực rà soát; tổng kết, đánh giá được các bất cập từ thực tế áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và đề xuất được kế hoạch sửa đổi phù hợp, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của các đề xuất văn bản pháp luật cần sửa đổi trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, Thứ trưởng cũng nhấn mạnh về vai trò và trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn trong rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của đơn vị; đồng thời tăng cường, chủ động phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong rà soát, phát hiện các chông chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật của Bộ TN&MT và các bộ, ngành khác; đề xuất sửa đổi, bổ sung kịp thời trong thời gian tới. ❖

Nguồn: MONRE

Kiểm tra kết quả thực hiện Đề án Bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy giai đoạn 2008 - 2020

Ngày 21/7, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 3914/BTNMT-TCMT gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình và Hòa Bình, về việc tổ chức Đoàn công tác kiểm tra kết quả thực hiện Đề án Bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy giai đoạn 2008 - 2020; định hướng hoạt động trong giai đoạn mới.

Theo Công văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - Đáy dự kiến tổ chức Đoàn công tác nêu trên từ ngày 25-28 tháng 8/2020 với mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Đề án BVMT lưu vực sông Nhuệ - Đáy năm 2020 và tổng kết, đánh giá kết quả triển khai, thực hiện giai đoạn 2008 - 2020; đề xuất định hướng trong giai đoạn mới; tăng cường công tác trao đổi thông tin, kinh nghiệm giữa các tỉnh trong lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

Nội dung kiểm tra tập trung vào 6 nội dung cụ thể như sau: (1) Kiểm tra

việc thực hiện Kết luận Phiên họp lần thứ 11 Ủy ban BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy và tình hình tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2020; (2) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án BVMT lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy giai đoạn 2008 - 2020 và kết quả đạt được so với mục tiêu tại Quyết định số 57/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ tại mỗi địa phương; (3) Đánh giá tình hình quản lý, xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường tại các tỉnh, thành phố thuộc lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy: nước thải sinh hoạt và sản xuất;

chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, làng nghề,.. cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng...; (4) Đánh giá thuận lợi, khó khăn, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; (5) Đề xuất kiến nghị, định hướng bảo vệ lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy sau khi kết thúc Đề án - giai đoạn sau 2020 tại địa phương; (6) Khảo sát các cơ sở sản xuất/khu công nghiệp/cụm công nghiệp có xả thải ra lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy. ❖

Nguồn: DWRM



Kết quả công tác quản lý tài nguyên nước 6 tháng đầu năm 2020

Theo báo cáo của Cục Quản lý tài nguyên nước, trong 6 tháng đầu năm 2020, Cục đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ về tài nguyên nước, cụ thể: Cục đã hoàn thiện dự thảo "Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước" để gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Chính phủ theo quy định; trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 04/2020/TT-BTNMT quy định kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh; thực hiện rà soát, trình Bộ thẩm định, phê duyệt nội dung, dự toán dự án "Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050"; hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ "Lập Nhiệm vụ quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050"; triển khai rà soát nội dung quy hoạch mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên nước lồng ghép trong quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước;...

Về công tác cấp phép tài nguyên nước, 6 tháng đầu năm 2020, Cục đã thẩm định trình Bộ cấp 86 giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước, cụ thể: 14 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; 57 giấy phép khai thác sử dụng nước mặt và 13 giấy phép khai thác nước dưới đất và 02 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Cục đã thẩm định và trình Bộ phê duyệt 93 hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tổng số tiền trên 43,3 tỷ đồng.

Thực hiện giám sát việc vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ, đến nay 100% đã được kết nối

cung cấp thông tin dữ liệu hàng ngày về Cục Quản lý tài nguyên nước.

Hướng dẫn chỉ đạo đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện quy định về hạn chế khai thác nước dưới đất tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP nhằm đạt được mục tiêu bảo vệ nguồn nước dưới đất trong đó có việc rà soát đối với quy định hạn chế khai thác nước dưới đất đã ban hành và khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đối với các địa phương chưa ban hành.

Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, trọng tâm là các quy định mới như: Giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước xả nước thải vào nguồn nước trên cơ sở áp dụng hệ thống thông tin, công nghệ tự động trực tuyến; giám sát việc vận hành của các hồ chứa theo quy trình liên hồ và việc xả dòng chảy tối thiểu, đảm bảo tỷ lệ các hồ chứa lớn quan trọng trên các lưu vực sông được vận hành theo cơ chế phối hợp liên hồ chứa đạt từ 62% trở lên.

Chỉ đạo tăng cường cải cách thủ tục hành chính cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đối với 20 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tài nguyên nước theo Quyết định số 2568/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 và Quyết định số 1957/QĐ-BTNMT ngày 19/6/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tại các địa phương, tính đến ngày 30/6/2020, Cục Quản lý tài nguyên nước đã nhận được báo cáo tình hình quản lý tài nguyên nước ở địa phương của 19 Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thống kê sơ bộ, 6 tháng đầu năm 2020, các địa phương đã thẩm định cấp 326 giấy phép tài nguyên nước các loại. Các địa phương đã tham mưu thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước như cấp

giấy phép hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phê duyệt phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa, phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

Cục Quản lý tài nguyên nước cho biết, trong 6 tháng cuối năm 2020, Cục sẽ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Thực hiện xây dựng Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Thực hiện lập Nhiệm vụ quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Lập nhiệm vụ Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và lưu vực sông Ba.

Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh; Thông tư hướng dẫn nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước.

Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai các quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Đẩy mạnh công tác điều tra tìm kiếm nguồn NĐĐ ở vùng khan hiếm nước; nghiên cứu xây dựng để sớm đưa vào hệ thống giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng TNN, xả nước thải vào nguồn nước, giám sát việc vận hành của hệ thống liên hồ chứa, vận hành duy trì dòng chảy tối thiểu của các hồ chứa thủy điện.... bằng công nghệ tự động, trực tuyến;...❖

Nguồn: DWRM



Ủy ban sông Mê Công Việt Nam hướng tới nhiệm vụ mới hỗ trợ quản lý thống nhất, hiệu quả và bền vững Lưu vực sông Mê Công

Trong bối cảnh các hoạt động phát triển và hợp tác Lưu vực sông Mê Công ngày càng được quan tâm và Bộ Tài nguyên và Môi trường đẩy mạnh triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước, mới đây Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam nhằm mở rộng chức năng nhiệm vụ của tổ chức phối hợp liên ngành này, thường được biết là cơ quan đầu mối cho các hợp tác vùng trong Lưu vực sông Mê Công, bao quát thêm vai trò của một tổ chức quản lý lưu vực sông cho hai lưu vực rất quan trọng là Lưu vực sông Cửu Long và Lưu vực sông Sê San và Srê-pôk

Theo Quyết định số 619/QĐ-TTg, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam tiếp tục đóng vai trò là tổ chức phối hợp liên ngành giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, quản lý các hoạt động liên ngành, liên tỉnh, liên quốc gia nhằm quản lý và sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên nước và các tài nguyên liên quan trên Lưu vực sông Mê Công, bao gồm cả các Lưu vực sông Cửu Long và sông Sê San - Srê-pôk của Việt Nam, theo quy định của Hiệp định Hợp tác Phát triển Bền vững Lưu vực sông Mê Công, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

Bên cạnh nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành, liên quốc gia trên Lưu vực sông

Mê Công, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam sẽ giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa, phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương và các bên có liên quan thông qua các hoạt động theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động xuyên biên giới, liên ngành và giúp đôn đốc thực hiện Hiệp định Hợp tác Phát triển Bền vững Lưu vực sông Mê Công và các quy chế, thủ tục liên quan; thực hiện các quy hoạch tài nguyên nước lưu vực toàn lưu vực và quốc gia.

Trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ mới, Ủy ban sẽ tiếp tục mở rộng các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia thượng nguồn, đặc biệt các dự án dòng

chính, tới các vùng lãnh thổ của Việt Nam thuộc Lưu vực sông Mê Công và tác động của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong lưu vực sông Mê Công có tác động xuyên biên giới nhằm hướng tới sử dụng và quản lý hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên nước sông Mê Công và bảo vệ quyền lợi của Việt Nam.

Với tầm quan trọng của nguồn tài nguyên nước sông Mê Công đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và Việt Nam nói chung (chiếm tới 53% tổng lượng tài nguyên nước quốc gia), cơ cấu tổ chức của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đã được nâng tầm với việc một Phó Thủ tướng Chính phủ sẽ được phân công giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban, và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường làm Phó Chủ tịch Thường



trực kiêm Ủy viên Hội đồng Ủy hội sông Mê Công quốc tế của Việt Nam. Các thành viên của Ủy ban cũng được mở rộng ra tất cả các Bộ ngành có liên quan và địa phương trong các Lưu vực sông Cửu Long và Sê San và Srê-pôk, tổng cộng là 13 Bộ và cơ quan ngang Bộ và 18 tỉnh/thành phố.

Ủy ban sông Mê Công Việt Nam cũng sẽ thành lập hai Tiểu ban cho các Lưu vực sông Cửu Long và Lưu vực sông Sê San và Srê-pôk.

Ông Lê Đức Trung - Chánh Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam cho biết "Đây là Ủy ban Lưu vực sông liên tỉnh đầu tiên được thành lập ở Việt Nam theo Luật Tài nguyên nước năm 2012, vì vậy các bài học về thành lập và vận hành các tổ chức lưu vực sông này trong hoạt động của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam sẽ giúp thúc đẩy việc thành lập các Ủy ban Lưu vực sông liên tỉnh khác của Việt Nam. Trong bối cảnh thực hiện chủ

trương tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức theo hướng tinh gọn và hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng được nguồn lực và kinh nghiệm hiện có, Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có một đề xuất rất táo bạo và hợp lý thông qua việc mở rộng chức năng nhiệm vụ về quản lý lưu vực sông của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam".

"Là một cơ quan có rất nhiều kiến thức và kinh nghiệm về các vấn đề có liên quan của Lưu vực sông Mê Công nói chung và hai lưu vực Cửu Long và Sê San và Srê-pôk của Việt Nam nói riêng, và cũng đã tham gia xây dựng Quy hoạch Phát triển Lưu vực và các hoạt động vận hành Ủy hội sông Mê Công quốc tế, tôi tin tưởng là Ủy ban sông Mê Công Việt Nam sẽ nhanh chóng đưa các tổ chức lưu vực sông vào vận hành hiệu quả, đóng góp thiết thực vào các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của các Bộ ngành và địa phương thành viên, đáp ứng các kỳ

vọng của các đối tác, các bên có liên quan trong nước và tiểu lưu vực và góp phần vào quản lý thống nhất, hiệu quả và bền vững Lưu vực sông Mê Công" - Ông Trung nhấn mạnh.

Hiện nay, Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đang tích cực chuẩn bị các quyết định phê duyệt thành viên Ủy ban; chuẩn bị dự thảo Quy chế làm việc của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam; chuẩn bị thành lập hai Tiểu ban Lưu vực sông Cửu Long và sông Sê San - Srê-pôk và xây dựng Kế hoạch công tác của Ủy ban cho giai đoạn 2021-2025.

Theo kế hoạch, Hội nghị toàn thể Ủy ban sông Mê Công Việt Nam lần thứ nhất dự kiến sẽ được tổ chức vào tháng 10/2020 tại Đồng bằng sông Cửu Long và do Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban sông Mê Công Việt Nam chủ trì. ❖

Nguồn: Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam

Tiền Giang: Tiếp nhận và giải quyết 426 hồ sơ về tài nguyên nước trong 6 tháng đầu năm 2020

Theo báo cáo của sở TN&MT tỉnh Tiền Giang, về lĩnh vực tài nguyên nước, trong 6 tháng đầu năm này, Sở đã nhận và giải quyết 426 hồ sơ, đã giải quyết trước và trong hạn 355 hồ sơ (đạt tỷ lệ 79,4%), đang giải quyết 32 hồ sơ trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Bên cạnh đó, Sở đã thẩm định trình UBND tỉnh Tiền Giang cấp 223 giấy phép về tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

Sở TN&MT Tiền Giang cũng cho biết, hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1299 giấy phép về tài nguyên nước và giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất còn hiệu lực, bao gồm: 79 giấy phép nước thăm dò dưới đất, 1043 giấy phép khai thác nước dưới đất, 07 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, 26 giấy phép khai thác nước mặt, 144 giấy phép nước xả thải.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh Tiền Giang chủ trương về khoan giếng tầng sâu phục vụ cấp nước sinh hoạt và

nguồn nước ngọt cho nhân dân địa bàn xã Hiệp Đức cũng như cho nhân dân trên địa bàn tỉnh trong tình trạng khẩn cấp về nước sinh hoạt năm 2020; đề xuất đầu tư khai thác nước dưới đất phục vụ sinh hoạt thân dân từ nguồn vốn hỗ trợ của Bộ TN&MT.

Trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước, Sở đã tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày nước thế giới và Ngày Khí tượng thế giới năm 2020; triển khai công tác tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với 03 tổ chức, cá nhân với tổng số tiền đã phê duyệt là 44.167.866 đồng.

Về phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020 đối với lĩnh vực tài nguyên nước, Sở sẽ tiếp tục

thực hiện các dự án về xây dựng cơ sở dữ liệu, thiết bị thu nhận, lưu trữ dữ liệu và phần mềm quản lý, xử lý dữ liệu về tài nguyên nước; triển khai cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng đề cương và dự toán kinh phí thực hiện dự án rà soát phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với các công trình khai thác mới; tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch vận hành mạng quan trắc nước dưới đất năm 2020; thực hiện thẩm định hồ sơ cấp phép tài nguyên nước và tổ chức tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân. ❖

Nguồn: DWRM



Thành phố Hồ Chí Minh: Xây dựng kế hoạch 5 năm ngành tài nguyên và môi trường

Theo báo cáo của Sở TN&MT TP. Hồ Chí Minh về kết quả thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020 đối với lĩnh vực tài nguyên nước, Sở đã tổ chức triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện, Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND của UBND thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 167/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất; thực hiện tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật lĩnh vực tài nguyên nước, chủ trương, kế hoạch hạn chế khai thác dưới đất và trám lấp giếng của thành phố cho công chức phòng TN&MT các quận - huyện, cán bộ, công chức cấp xã, doanh nghiệp hoạt động có liên quan tài nguyên nước trên địa bàn thành phố; phối hợp với Sở Tài chính, Cục thuế Thành phố tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định giá thuế tài

nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Sở TN&MT cũng đã xây dựng Đề án thu phí thăm định hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi và hành nghề khoan nước dưới đất. Ngoài ra, Sở cũng xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường ở các vùng giáp ranh địa giới hành chính giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các Tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bình Phước, Lâm Đồng.

Về kế hoạch giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực tài nguyên nước, Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật trên các lĩnh vực tài nguyên nước để giúp công tác quản lý đạt hiệu quả cao; Tập trung, chú trọng các giải pháp tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công

tác quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên nước.

Đồng thời, quản lý chặt chẽ nguồn nước, hạn chế khai thác dưới đất nhưng vẫn đảm bảo phục vụ nước cho sản xuất và sinh hoạt của Thành phố; tăng cường thanh tra kiểm tra việc xả thải vào nguồn nước, khai thác nước không phép, kiểm tra sau giấy phép công trình khai thác nước dưới đất, xả thải vào nguồn thải.

Theo đó, tiếp tục thực hiện lộ trình giảm khai thác nước dưới trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 30/03/2018 của UBND thành phố, phấn đấu đến cuối năm 2020 lượng khai thác còn 200.000 m³/ngày, cuối năm 2025 lượng khai thác còn 100.000 m³/ngày; Triển khai lập danh mục, bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định 167/2018/NĐ-CP và tổ chức triển khai thực hiện. Tổng hợp hiện trạng tài nguyên nước mặt và dự báo diễn biến xâm nhập mặn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030. ❖

Nguồn: DWRM

Lào Cai: Xây dựng kế hoạch 5 năm ngành tài nguyên và môi trường

Theo báo cáo của Sở TN&MT tỉnh Lào Cai, thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020, Sở TN&MT đã tham mưu cho UBND tỉnh cấp 73 giấy phép khai thác nước dưới đất, nước mặt và giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Trong đó, nước dưới đất là 03 giấy phép, nước mặt là 45 giấy phép và xả nước thải là 25 giấy phép. Các công trình khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước phục vụ khai thác khoáng sản, sản xuất công nghiệp và sinh hoạt trên

địa bàn tỉnh cơ bản được cấp phép theo đúng quy định.

Đồng thời, Sở đã phê duyệt phương án cấm mốc bảo vệ nguồn nước cho 04 hồ thủy điện, 01 phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 ban hành quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Lào Cai; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho 28 tổ chức với số tiền thu nộp ngân sách 18,8 tỷ đồng.

Các công trình khai thác nước phục vụ sinh hoạt tại các huyện, thành phố, các khu dân cư tập trung đã được cấp phép theo quy định với 18 công trình khai thác nước, công suất khai thác 70.510 m³/ngày đêm.

Về kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2021-2025 đối với lĩnh vực tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh tiếp tục quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước mặt, nước dưới đất hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả. ❖

Nguồn: DWRM



Góp ý dự thảo các Văn kiện trình Đại hội đảng Bộ TN&MT lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Chiều 10/7, tại Hà Nội, đồng chí Lê Công Thành, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì Hội thảo góp ý vào Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ khóa III trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ khoá IV, nhiệm kỳ 2020-2025.

Tham dự Hội thảo có đại diện Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ TN&MT, các đồng chí cán bộ chủ chốt, Bí thư, Phó bí thư cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Bộ.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ TN&MT Lê Công Thành cho biết, thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 155-KH/ĐUK ngày 10/10/2019 của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Đảng ủy Bộ TN&MT đã ban hành Kế hoạch số 1976-KH/ĐU ngày 28/10/2019 về Đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Bộ và Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Bí thư Đảng ủy Lê Công Thành cho biết, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương và Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, để triển khai Kế hoạch tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng ủy Bộ TN&MT đã thành lập Tiểu ban Văn kiện Đại hội để chuẩn bị dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bộ TN&MT lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Đảng ủy Bộ đã gửi lấy ý kiến góp ý của các cấp ủy trực thuộc, các tổ chức đoàn thể và Ban cán sự đảng Bộ TN&MT đối với Dự thảo Báo cáo chính trị. Trên cơ sở tổng hợp và nghiêm túc tiếp thu ý kiến đóng góp, Tiểu ban Văn kiện Đại hội đã hoàn thiện dự thảo Báo cáo Chính trị (lần thứ 3) để tiếp tục lấy ý kiến tại Hội thảo này.



Toàn cảnh Hội thảo

Nhấn mạnh báo cáo chính trị là Văn kiện trung tâm của Đại hội, là căn cứ cơ bản để xây dựng các văn kiện khác, Bí thư Đảng ủy Lê Công Thành đánh giá: Dự thảo Báo cáo chính trị đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện, nâng cao, trên cơ sở tiếp thu, chắt lọc từ quá trình tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Bộ khóa III, nhiệm kỳ 2015 - 2020; có tính khách quan, trung thực, đúng thực tế; bảo đảm phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của Bộ.

Tại Hội thảo, các đồng chí đại biểu trong Ban chấp hành Đảng bộ Bộ TN&MT, các đồng chí cán bộ chủ chốt, Bí thư, Phó bí thư cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Bộ tham dự đã cùng nghiên cứu, thảo luận, cho ý kiến về dự thảo Báo cáo chính trị; tập trung đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội

Đảng bộ Bộ khóa III, nhiệm kỳ 2015 - 2020; phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các năm tiếp theo. Đặc biệt, chú ý những vấn đề lớn, những nội dung quan trọng về chủ trương, chính sách, biện pháp đổi mới quan trọng; đồng thời đi sâu phân tích, đánh giá tình hình thực hiện và tìm ra nguyên nhân, đề xuất giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển ngành TN&MT và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, góp phần xây dựng, bảo vệ, phát triển nhanh và bền vững đất nước hơn trong thời gian tới.

Ghi nhận các ý kiến đóng góp cho Dự thảo Báo cáo chính trị, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ TN&MT Lê Công Thành cho biết, Đảng ủy Bộ sẽ nghiên cứu, tiếp thu và tiếp tục hoàn thiện báo cáo và các văn kiện liên quan phục vụ Đại hội Đảng bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. ❖

Nguồn: MONRE



Bộ Tài nguyên và Môi trường họp báo thường kỳ 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020

Sáng 20/7, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Lê Công Thành chủ trì Hội họp báo thường kỳ để giới thiệu cung cấp thông tin đến các cơ quan thông tin đại chúng về kết quả công tác nổi bật 6 tháng đầu năm 2020 và Chương trình công tác 6 tháng cuối năm của Bộ.

P hát biểu tại buổi họp báo, Thứ trưởng Lê Công Thành cũng cho biết, trong 6 tháng đầu năm 2020, tuy ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng công tác quản lý nhà nước của Bộ TN&MT đạt nhiều kết quả nổi bật. Trong đó, chỉ số đánh giá sự hài lòng của người dân tăng hơn; thu tiền sử dụng đất tính đến 15/6/2020 đã đạt 57,9 nghìn tỷ đồng, bằng 60,4% kế hoạch năm, là nguồn đóng góp quan trọng cho ngân sách nhà nước;

Chỉ số tiếp cận đất đai tiếp tục tăng 0,27 điểm; chỉ số hài lòng về dịch vụ cấp giấy chứng nhận tăng 13% so với năm 2016; tỷ lệ phản ánh có tiêu cực trong thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận giảm 34% so với năm 2015. Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS) về tiếp cận dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường ở địa phương tăng từ 80,03 lên 85,62%; chỉ số hài lòng về công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính đạt 83,82%.

Công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần tiết kiệm được chi phí tương đương với khoảng trên 1.000 tỷ đồng/năm. Tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số gắn với cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư được đẩy mạnh.

Hiện Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện 33 dịch vụ công mức độ 4, đạt 30% số dịch vụ hoàn thành theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 02 ngày 01/01/2020; hoàn thành trước 6 tháng các chỉ tiêu Nghị quyết số



Quang cảnh buổi họp báo

17/NQ-CP của Chính phủ đặt ra trong giai đoạn 2019 - 2020. Công nghệ thông tin cũng được ứng dụng mạnh mẽ trong chỉ đạo điều hành để thích ứng nhanh trong bối cảnh dịch bệnh.

"Trong 6 tháng đầu năm 2020, Bộ đã hoàn thành 100% đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường kịp thời hoàn thiện thể chế, thúc đẩy cải cách, đổi mới, cải thiện đầu tư; đẩy mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; đề xuất các chính sách về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường...; phối hợp, hướng dẫn các địa phương thực hiện các giải pháp chủ động trước tác động của hạn hán, xâm nhập mặn trên diện rộng..." - Thứ trưởng Lê Công Thành thông tin.

Về nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm, Bộ TN&MT sẽ tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, tháo gỡ kịp thời những vấn đề vướng mắc để tạo động lực cho phát triển; hoàn thành đúng tiến độ nhiệm vụ đề án đã đăng ký trong Chương trình xây dựng văn bản pháp luật. Tiếp tục thúc đẩy cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử và hạ tầng cho chuyển đổi số trong từng lĩnh vực.

Tiếp tục quán triệt phương châm hướng về địa phương cơ sở, giải quyết kịp thời các vấn đề đặt ra từ thực tiễn. Hoàn thành và công bố số liệu kiểm kê đất đai để làm đầu vào cho lập quy hoạch sử dụng đất đất đai cấp quốc gia và quy hoạch tỉnh và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu các giải pháp đảm



bảo an ninh nguồn nước; theo dõi, đánh giá, dự báo tình hình suy thoái, cạn kiệt, xâm nhập mặn nguồn nước; chỉ đạo điều hoà nguồn nước cho các mục đích sử dụng nước bằng công cụ quan trắc, giám sát tự động trên cơ sở các quy hoạch và hạn ngạch cấp phép khai thác sử dụng nguồn nước; kiểm soát xả nước thải vào nguồn; nâng cao năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo, nhất là dự báo xa; dự báo, cảnh báo kịp thời các hiện tượng thời tiết, thủy văn cực đoan, nguy hiểm phục vụ phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;...

Tại buổi họp báo, Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT cũng đã giải đáp, cung cấp thông tin về các vấn đề báo chí quan tâm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành như: Đánh tác tác động môi trường của Dự án lấn biển Cần Giờ; Hành lang pháp lý để cấp giấy chứng nhận sở hữu cho condotel; vấn đề cấp phép đối với việc nhập khẩu phế liệu; việc tiếp thu các ý kiến về vấn đề liên quan rác thải, khí thải... mà đại biểu Quốc hội góp ý Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường tại Kỳ họp thứ 9; vấn đề tư vấn quy

hoạch, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Hà Nội;...

Thứ Trưởng Lê Công Thành khẳng định nhờ sự vào cuộc mạnh mẽ của báo chí góp phần quan trọng giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, đặc biệt là đợt hạn mặn kỷ lục ở ĐBSCL nên Bộ TN&MT rất coi trọng việc cung cấp thông tin đầy đủ đến báo chí về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài nguyên, môi trường và đề nghị các cơ quan chuyên môn chủ động, tích cực hơn trong cung cấp thông tin cho báo chí những vấn đề được dư luận quan tâm. ❖

Nguồn: DWRM

Cuộc thi tìm kiếm giải pháp chuyển đổi số Việt Nam - Viet Solutions 2020 trong ngành tài nguyên và môi trường

Nhằm thiết thực tìm kiếm các giải pháp, sản phẩm góp phần thiết thực triển khai Chương trình chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường, mới đây, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành công văn số 3875/BTNMT-CNTT gửi các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố về việc hưởng ứng cuộc thi tìm kiếm giải pháp chuyển đổi số Việt Nam - Viet Solutions 2020.

Viet Solutions 2020 có mục tiêu tìm kiếm các giải pháp sáng tạo, giúp giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, các lĩnh vực mà Viet Solutions 2020 tìm kiếm sản phẩm, ứng dụng sáng tạo trong các lĩnh vực viễn thông, y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistics, năng lượng, tài nguyên môi trường, sản xuất công nghiệp... Đây là cuộc thi mang tầm quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, đồng hành bởi Tập đoàn Viettel, đây cũng là cuộc thi cấp quốc gia tổ chức lần đầu tiên và sẽ được tiến hành thường niên. Thông tin chi tiết về cuộc thi tìm kiếm giải pháp chuyển đổi số Việt Nam - Viet Solutions 2020 được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông <https://mic.gov.vn> và Truyền thông <http://vietsolutions.net.vn/>.

Tài nguyên và môi trường là ngành điều tra cơ bản đa lĩnh vực, định hướng phát triển dựa vào đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa phương thức quản lý, chuyên môn nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ số với sự tham gia rộng rãi của tổ chức, doanh nghiệp, người dân nhằm quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; xây dựng nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường, bền vững.

Với các ý nghĩa trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường chính thức phát động hưởng ứng Cuộc thi Viet Solutions 2020 trong ngành, nhằm thiết thực tìm kiếm các giải pháp, sản

phẩm góp phần thiết thực triển khai Chương trình chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường.

Theo đó, Bộ yêu cầu các đơn vị trực thuộc, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phổ biến, thông tin, tuyên truyền về Cuộc thi tìm kiếm giải pháp chuyển đổi số Việt Nam - Viet Solutions 2020 đến tổ chức, cá nhân, đối tác liên quan; đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số để giải quyết những vấn đề, bài toán, yêu cầu của ngành tài nguyên và môi trường; đồng thời, tích cực tham gia cuộc thi Viet Solutions 2020 với các giải pháp, sản phẩm tiêu biểu của đơn vị hoặc phối hợp, liên danh, liên kết với các tổ chức, cá nhân, đối tác. ❖

Nguồn: DWRM



Bộ Tài nguyên và Môi trường sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2020

Sáng 10/7, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cùng các Thứ trưởng: Nguyễn Thị Phương Hoa, Võ Tuấn Nhân, Trần Quý Kiên, Lê Công Thành, Lê Minh Ngân chủ trì Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2020 của Bộ.

Tham dự Hội nghị có lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ, Thường trực Đảng ủy Bộ, Chủ tịch Công đoàn Bộ, Bí thư Đoàn thanh niên Bộ; Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc các Tổng cục.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho biết, trong 6 tháng đầu năm 2020, đất nước ta phải đối mặt với những khó khăn, thách thức về mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội do tác động của dịch Covid-19, đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế của chúng ta có độ mở rất cao.

Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự phối hợp của Quốc hội, sự điều hành chủ động, quyết liệt, sáng tạo, linh hoạt, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng với sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhất là sự đồng tình, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của Nhân dân cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài đã tạo nên sức mạnh to lớn trong việc thực hiện "mục tiêu kép" - vừa chống dịch COVID-19, vừa đảm bảo phát triển kinh tế, đảm bảo đời sống của nhân dân.

Bộ trưởng Trần Hồng Hà cũng cho biết, trong bối cảnh chung của cả nước, Bộ TN&MT đã có những đề xuất rất kịp thời về quan điểm, giải pháp và các biện pháp cụ thể để phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh tác động của dịch Covid đã được Chính phủ quyết định trong Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 như: Hoàn thiện thể chế, thúc đẩy cải cách, đổi mới, cải thiện đầu tư; đẩy mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; đề xuất các chính sách về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường; khuyến nghị các địa phương giải pháp chủ động trước tác tác động của hạn hán, xâm nhập mặn trên diện rộng.

Trong đó, Bộ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành trình Chính phủ các cơ chế, chính sách cụ thể để tháo gỡ các nút thắt, rào cản tháo gỡ các nút thắt, rào cản để thúc đẩy nguồn vốn đầu tư trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn và chủ động đón làn sóng chuyển dịch đầu tư nước ngoài như: Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 đã tháo gỡ nút thắt liên quan đến giao đất đối với trường hợp đấu thầu dự án có sử dụng đất; Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất; dự án thu hồi đất liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;...

Bộ TN&MT đã chủ động, linh hoạt trong quá trình điều hành vĩ mô như xây dựng Nghị quyết về miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất KCN, đô thị để đón làn



Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà phát biểu khai mạc Hội nghị

sóng đầu tư; Bộ cũng ban hành nhiều văn bản theo thẩm quyền hướng dẫn các địa phương trong tổ chức thực hiện, chỉ đạo hướng dẫn thực hiện cấp giấy chứng nhận cho loại hình kinh doanh bất động sản du lịch,...

Đặc biệt, cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần tiết kiệm được khoảng 1.047 tỷ đồng/năm; triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số gắn với cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư được đẩy mạnh. Hiện nay, Bộ TN&MT có 33 dịch vụ công mức độ 4, đạt 30% số dịch vụ hoàn thành yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020; hoàn thành trước 6 tháng các chỉ tiêu Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ đặt ra trong giai đoạn 2019 - 2020.

Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của Bộ đạt 54.16/62.5 điểm, kết quả đánh giá qua điều tra xã hội học là 30.62/37.5 điểm, tổng điểm là 84.78/100 điểm; xếp thứ 7 trên tổng số 17 bộ, cơ quan ngang bộ; tăng 02 bậc so với năm 2018.

Công tác quản lý điều hành, ký số đã được triển khai 100% trên môi trường mạng ở Bộ và kết nối với toàn ngành, liên thông, gửi nhận văn bản trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Các cuộc họp tiếp tục được thực hiện theo hình thức không giấy tờ. Bộ đã hoàn thành đưa vào sử dụng Trung tâm điều hành tích hợp hạ tầng dữ liệu của Bộ, của ngành; kết nối dữ liệu quan trắc phục vụ quá trình phân tích, xây dựng các chủ trương, chính sách, điều hành ra quyết định của Lãnh đạo Bộ; làm nền tảng để ngành



TN&MT đóng góp cho phát triển nền kinh tế số, Chính phủ số, đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Bộ TN&MT đã đưa vào vận hành, quản lý khai thác, sử dụng đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai của 182/713 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc 47 tỉnh/thành phố, đưa được 22.674.662 thửa đất và 11.695.270 hồ sơ quét vào CSDL đất đai để quản lý, khai thác sử dụng, kết nối liên thông với cơ quan thuế, rút ngắn 1/3-1/2 thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Các nguồn tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước, tài nguyên biển được sử dụng hiệu quả, trở thành nguồn lực cho phát triển; trong đó, riêng thu tiền sử dụng đất tính đến 15/5/2020 đã đạt 57,9 nghìn tỷ đồng, bằng 60,4% kế hoạch năm là nguồn đóng góp quan trọng cho ngân sách nhà nước trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn. Tài nguyên biển, lợi thế của các vùng ven biển đã được phát huy trở thành khu vực phát triển năng động, tăng trưởng mới của đất nước có thể kể đến như Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Ninh Thuận, Bình Thuận...

Khẳng định tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác dự báo sớm, Bộ trưởng cũng cho biết, năm 2019-2020, nhờ dự báo chính xác các xu thế thời tiết, các hiện tượng thời tiết cực đoan, tác động của biến đổi khí hậu và phối hợp tốt giữa Bộ TN&MT với các Bộ, ngành địa phương để chủ động điều chỉnh các hoạt động kinh tế - xã hội, cơ cấu sản xuất, mùa vụ nên mặc dù hạn hán và xâm nhập mặn xảy ra với quy mô lớn và mức độ khốc liệt hơn năm 2016 nhưng thiệt hại chỉ bằng 1/10 so với năm 2016.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã nghe các báo cáo tóm tắt về tình hình thực hiện chương trình công tác, nhiệm vụ chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo bộ giao 06 tháng đầu năm và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình công tác, chương trình xây dựng VBQPPL 06 tháng cuối năm; kết quả rà soát, giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của địa phương; kết



Toàn cảnh Hội nghị

quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2020 của Bộ....

Cũng tại Hội nghị, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cũng đề nghị các đại biểu tập trung thảo luận những vấn đề mang tính chất ưu tiên của mỗi lĩnh vực. "Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, kết quả giải ngân là căn cứ đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ" - Bộ trưởng chỉ đạo.

Về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong những tháng cuối năm 2020, Bộ trưởng yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ cần tập trung chỉ đạo, tăng cường công tác phối hợp, hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo chương trình công tác được giao. Cùng với đó, cần tiếp tục đổi mới lề lối, phương thức làm việc; nghiên cứu cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công cấp độ 4; xây dựng quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính của từng lĩnh vực; tăng cường phản ứng chính sách; phát huy tiềm năng lợi thế của ngành, lĩnh vực cho tăng trưởng; tận dụng tối đa thời cơ, đẩy mạnh thu hút đầu tư và giải ngân vốn đầu tư toàn xã hội.

Tiếp tục phương châm hướng về địa phương cơ sở, giải quyết, trả lời kịp thời các vướng mắc từ thực tiễn; tổ chức đoàn công tác làm việc trực tiếp để xử lý các kiến nghị, đề xuất của địa phương. Đồng thời, tiếp tục phát huy tinh thần sáng tạo trong triển khai từng nhiệm vụ; đẩy mạnh nghiên cứu, khoa học, giáo dục, đào tạo; thực hiện

đấu thầu, đặt hàng để các kết quả trong nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn; kịp thời biểu dương, khen thưởng, tôn vinh các sáng kiến, giải pháp sáng tạo đột phá.

Về chuẩn bị cho xây dựng nhiệm vụ cho từng lĩnh vực trong giai đoạn 2021-2025, Bộ trưởng yêu cầu các đơn vị phải có bước chuẩn bị thật kỹ, trong đó có những nhiệm vụ mà chỉ có một ngành một lĩnh vực làm được thì cần phải chủ động, ví dụ như các nhiệm vụ về lĩnh vực viễn thám. "Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/04/2020 về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, các đơn vị cần bám sát Nghị quyết, chủ trương của Đảng, Nhà nước, định hướng chiến lược, các nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên để đề xuất các chương trình, đề án, nhiệm vụ dự án để bố trí nguồn lực cho triển khai" - Bộ trưởng Trần Hồng Hà nhấn mạnh tại Hội nghị.

Nhân dịp này, thay mặt Lãnh đạo Bộ, Bộ trưởng biểu dương trân trọng cảm ơn và ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các đồng chí Lãnh đạo các đơn vị, các Sở TN&MT, cán bộ, công chức, người lao động trong toàn Ngành đã đoàn kết để hoàn thành được những mục tiêu đề ra. Hội nghị cũng đã trao tặng nhiều Bằng khen, danh hiệu cao quý cho các tổ chức và cá nhân có những đóng góp cho Ngành trong thời gian qua. ❖

Nguồn: DWRM



Đánh giá hiệu quả của quy định thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Cục Quản lý tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường) cho biết, sau 3 năm triển khai, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã đi vào cuộc sống, nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, tăng thu ngân sách nhà nước.

BẢO ĐẢM CÔNG BẰNG TRONG VIỆC KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Luật Tài nguyên nước được Quốc hội khóa XIII thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đã có một điểm mới quan trọng là thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định trong Luật Tài nguyên nước được xây dựng với chủ trương cụ thể hóa quan điểm tài nguyên nước là tài sản của nhà nước, thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu. Theo đó, người khai thác, sử dụng tài sản của Nhà nước cần phải nộp tiền để bảo đảm công bằng trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước và nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn nước.

Quyền khai thác tài nguyên nước được định giá bằng tiền và coi như là quyền tài sản. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước khác với thuế tài nguyên nước, phí và lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Đó là khoản thu của chủ sở hữu khi cho các chủ thể khác sử dụng tài sản của mình tương tự như khoáng sản, đất đai. Hơn nữa, việc thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm công bằng trong việc sử dụng tài sản của Nhà nước.

Tại Điều 65 Luật Tài nguyên nước quy định tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong các trường hợp sau đây: Khai thác nước để phát điện có mục đích thương mại; Khai



thác nước để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp; Khai thác nước dưới đất để trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản tập trung với quy mô lớn.

Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được xác định căn cứ vào chất lượng của nguồn nước, loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô, thời gian khai thác, mục đích sử dụng nước.

Cũng tại Điều này, Luật Tài nguyên nước đã giao Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Cụ thể hóa quy định này, tại Điều 40 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ đã quy định về các trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Để triển khai hiệu quả các quy định về việc thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, vừa bảo đảm khuyến

khích tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ được nguồn nước khai thác, vừa bảo đảm được an sinh xã hội và bổ sung cho một số hoạt động bảo vệ nguồn nước, ngày 17/7/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

100% CÔNG TRÌNH ĐÃ KÊ KHAI THỰC HIỆN VIỆC CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Ngay sau khi Nghị định 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực, Cục Quản lý tài nguyên nước (Bộ TN&MT) đã tích cực tuyên truyền, hướng dẫn để các tổ chức cá nhân thực hiện việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Đến nay, 100% các công trình đã có giấy phép trước ngày Nghị định có hiệu lực và chủ giấy phép thực hiện kê khai đã được Cục thẩm định và phê duyệt tiền cấp quyền theo quy định. Đối với các giấy phép khai thác mới việc tiếp nhận thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác



tài nguyên nước đã được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP.

Theo số liệu báo cáo của các tỉnh và số liệu thống kê của Bộ TN&MT, tính đến ngày 9/4/2020, Bộ đã phê duyệt được 593 Quyết định cấp quyền khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền 9.494,4 tỷ đồng. Các tỉnh đã phê duyệt được trên 3.300 Quyết định cấp quyền khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền trên 637 tỷ đồng.

Trong số 593 công trình khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ TN&MT có 112 công trình khai thác nước dưới đất (trong đó 56 công trình khai thác nước cấp cho các nhà máy nước, 56 công trình khai thác nước dưới đất khác (sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...); và 481 công trình khai thác nước mặt (trong đó có 436 công trình thủy điện, 5 công trình hồ chứa thủy lợi, 19 công trình khai thác nước cấp cho các nhà máy nước, 21 công trình khai thác nước mặt khác (làm mát, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...)).

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH 82/2017/NĐ-CP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VÀ NHIỆM VỤ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Bộ TN&MT cho biết, sau 3 năm triển khai thực hiện Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã đi vào cuộc sống, nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước trong việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, tăng thu ngân sách Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hiện còn một số vướng mắc do thay đổi quy định của pháp luật. Từ khi Nghị định 82 có hiệu lực đến nay đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, do đó, một số quy định của Nghị định hiện không còn phù hợp như: các quy định về quy hoạch tài nguyên nước tại Điều 2 và Phụ lục II của Nghị định không phù hợp với quy định của Luật

Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; các quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, địa điểm nộp hồ sơ khai thuế (trong đó có tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước), về thời hạn nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của cơ quan thuế, về mẫu thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước hiện đã được giao Chính phủ hướng dẫn tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; quy định về hệ số nguồn nước khai thác có liên quan đến vùng hạn chế khai thác nước dưới đất hiện không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất...

Cùng với đó là, vướng mắc từ thực tiễn triển khai thi hành Nghị định. Hiện tại nhiều quy định của Nghị định hiện không còn phù hợp với thực tiễn hoặc có những vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương đề nghị tháo gỡ như: các quy định về đối tượng nộp tiền, nhiều địa phương, doanh nghiệp đề nghị làm rõ các đối tượng không phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước để thống nhất áp dụng trên phạm vi cả nước; căn cứ tính tiền trên cơ sở tăng chứa nước khai thác là chưa phù hợp vì nhiều công trình khai thác ở 2 tầng chứa nước khác nhau; giá tính tiền chưa làm rõ thời điểm áp dụng giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và lúng túng trong việc áp dụng giá tính tiền khi chiếu sang các quy định về tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên nên chưa có sự thống nhất trên cả nước; nhiều công trình cấp nước tập trung còn lúng túng trong xác định tỷ lệ cấp nước cho các mục đích; điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước còn có nhiều điểm chưa phù hợp; nhiều công trình bị hỏng không khai thác được nhưng khi điều chỉnh thì tiền cấp quyền lại tăng lên; chưa có quy định về thời điểm áp dụng giá tính tiền đối với trường hợp truy thu tiền...

Ngoài ra, một số nội dung liên quan đến việc kê khai, tính, phê duyệt và thu

nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã xảy ra trên thực tế nhưng chưa hướng dẫn cụ thể như việc phân chia tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước giữa các địa phương nơi có công trình khai thác nước và hồ chứa; quy định về gia nhiệt cho sản phẩm vẫn được xác định mức thu cao như đối với trường hợp sản xuất, trong khi đó, gia nhiệt là loại hình khai thác, sử dụng nước không tiêu hao, giống làm mát máy, tạo hơi tức là sử dụng nước sau quá trình sản xuất để làm tăng nhiệt độ của sản phẩm và do đó sẽ giảm nhiệt độ của nước trước khi xả trả lại nguồn nước. Vì vậy, địa phương đã đề nghị bổ sung gia nhiệt để bảo đảm tính công bằng giữa các loại hình sử dụng nước. Ngoài ra, mẫu quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chưa có mã số thuế nên khó khăn cho cơ quan thuế trong việc xác định doanh nghiệp nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên và nhằm hiện thực hóa chủ trương tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Đồng thời, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ quan nhà nước trong việc tính, phê duyệt và thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình Chính phủ đưa vào Chương trình công tác năm 2020 để xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Hiện nay, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ sẽ nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện Dự thảo trình Chính phủ ban hành. ❖



Hội nghị lần thứ 20 Nhóm công tác ASEAN về Quản lý tài nguyên nước năm 2020

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, Hội nghị lần thứ 20 Nhóm công tác ASEAN về Quản lý tài nguyên nước đã được tổ chức trực tuyến. Đại diện phía Việt Nam tham dự có bà Nguyễn Thị Thu Linh, Phó Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Trưởng nhóm công tác ASEAN về quản lý tài nguyên nước và đại diện một số đơn vị liên quan.

Hội nghị lần thứ 20 Nhóm công tác ASEAN về Quản lý tài nguyên nước là diễn đàn để các nước thành viên ASEAN cùng nhau thảo luận và tổng kết những hoạt động đã triển khai từ Hội nghị Nhóm công tác lần thứ 19 tổ chức tại Philippines năm 2019, đồng thời cập nhật những thông tin và hoạt động quan trọng của Nhóm công tác trong đó bao gồm Kế hoạch hành động của Nhóm, các đề xuất dự án do UNDP, GEF tài trợ và các dự án đang triển khai khuôn khổ hợp tác ASEAN - Hàn Quốc, ASEAN-Nhật Bản, ASEAN-UNDP, ASEAN-MRC.



Bà Nguyễn Thị Thu Linh - Phó Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước (thứ hai, từ trái qua) cùng đại diện các đơn vị tham dự Hội nghị trực tuyến

Tại hội nghị, đại diện các bên tham gia cũng bày tỏ đồng thuận về Hội nghị lần thứ 21 Nhóm công tác ASEAN về Quản lý tài nguyên nước sẽ được tổ chức tại Thái Lan vào năm 2021. ❖

Nguồn: DWRM

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI để đạt được các SDG liên quan đến nước

Báo cáo mới đây của Viện Đại học Liên Hợp Quốc về Nước, Môi trường và Sức khỏe (UNU-INWEH) cho biết, các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có thể được sử dụng nhằm đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) liên quan đến nước.

Theo đó, các ứng dụng của AI có thể dự báo các thảm họa liên quan đến nước với độ chính xác, tần suất và thời gian cao hơn so với các phương pháp không sử dụng AI, cho phép quản lý tập trung các hoạt động sau thảm họa. Đồng thời, các ứng dụng của AI trong quản lý nước có khả năng giảm thiểu thiệt hại kinh tế đáng kể, bảo vệ cộng đồng, bảo tồn hệ sinh thái, đồng thời giảm tỷ lệ tử vong do thảm họa liên quan đến nước.

Báo cáo cũng khuyến nghị, các nhà hoạch định chính sách nên tiến hành đánh giá tổng thể các yếu tố xã hội, kinh tế và văn hóa trước khi áp dụng AI trong lĩnh vực nước, vì các ứng dụng tiềm năng của AI là

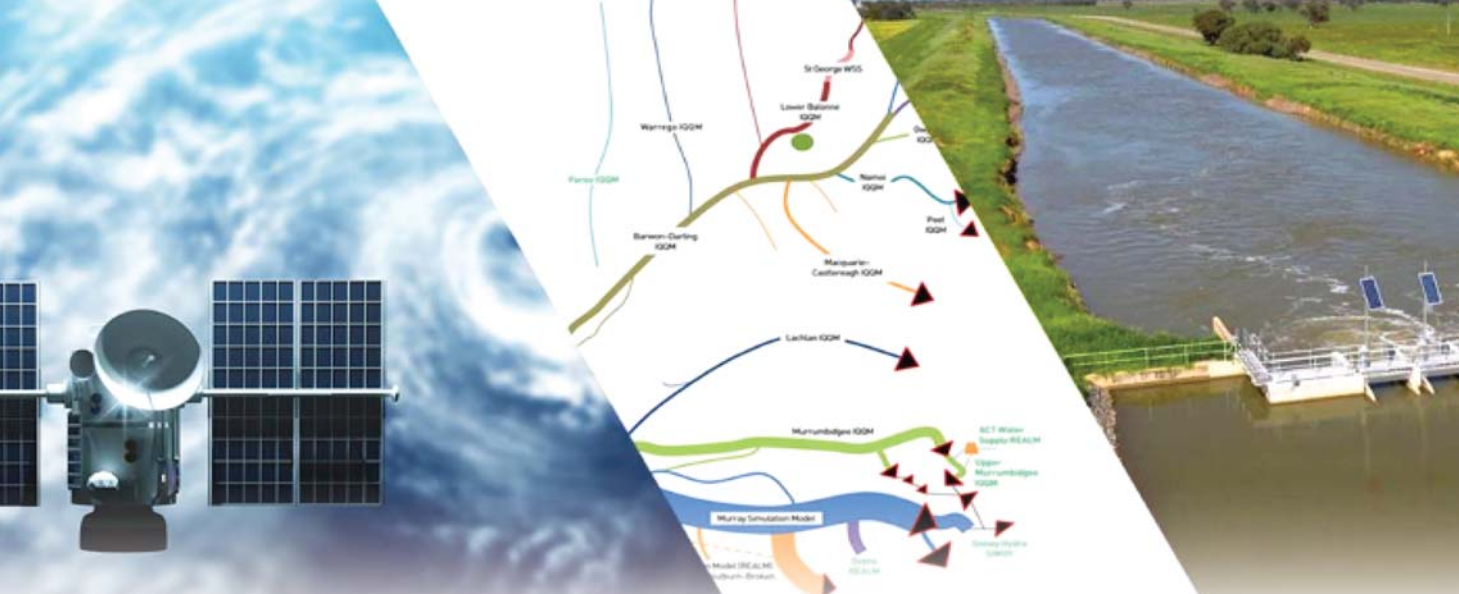
từng trường hợp cụ thể. Điều quan trọng nữa là tiến hành các nghiên cứu cơ bản để đo lường năng lực thực hiện, lợi tức đầu tư và tác động của việc can thiệp trí tuệ nhân tạo khi sử dụng.

Để đảm bảo các kết quả phát triển một cách tích cực và hiệu quả, các chính sách về việc sử dụng AI cho các thách thức liên quan đến nước cần được kết hợp với các chính sách phát triển năng lực và cơ sở hạ tầng nước. Các chính sách phát triển cơ sở hạ tầng cũng như trình tự của các chính sách này là rất quan trọng và cần phải đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về tính toán, năng lượng, tạo dữ liệu và lưu trữ đảm bảo cho hoạt động của AI khi ứng dụng.

Các thách thức liên quan đến nước đang diễn ra xuyên suốt từ cấp địa phương đến cấp toàn cầu và đòi hỏi sự hiểu biết về hệ sinh thái nước. Điều quan trọng là các quốc gia trong cùng lưu vực phải hợp tác phát triển các chính sách thúc đẩy việc sử dụng AI để giải quyết các thách thức chung liên quan đến nước, đến lưu vực sông cùng chia sẻ với nhau.

Có thể nói, các khuyến nghị chính sách quan trọng này có thể được sử dụng làm hướng dẫn chính cho việc phát triển các chiến lược và kế hoạch sử dụng trí tuệ nhân tạo AI để giúp đạt được các mục tiêu thiên niên kỉ SDG liên quan đến nước trong tương lai. ❖

Nguồn: DWRM (dịch)



Chính phủ Úc chia sẻ kinh nghiệm, công cụ và phương pháp quản lý tài nguyên nước

Hiệp hội Nước Úc (AWP) gần đây đã hỗ trợ eWater, Geoscience Australia và Cục Khí tượng Chính phủ Úc (BoM) một số công cụ mới nhằm tạo ra các khả năng mới, nâng cao quản lý tài nguyên nước.

Dự án tích hợp ba công cụ (WaterTools) riêng biệt chưa từng được kết nối trước đây bao gồm: Công nghệ lưu trữ, quản lý và xử lý một lượng lớn thông tin dựa trên không gian (GA Data Open Data Cube); công cụ dự báo dòng chảy; và nền tảng mô hình thủy văn quốc gia Úc (eWater Source).

Tính khả thi của các công cụ mới này đã được kiểm tra bằng cách phát triển các số liệu về nguồn nước cho Ủy ban thí điểm cơ chế hạn hán khu vực của Ủy ban kinh tế và xã hội châu Á Thái Bình Dương (UN ESCAP).

Trong 30 năm qua, Úc đã thực hiện một loạt các cải cách về nước nhằm quản lý bền vững hơn các nguồn nước khan hiếm và giải quyết tác động môi trường của các hệ thống sông. Úc đã đầu tư các công cụ để hỗ trợ chính sách và quản lý nước. Theo đó, ba công cụ nêu trên đóng một vai trò quan trọng trong việc quản lý các nguồn nước khan hiếm của Úc hiện nay.

Nền tảng eWater Source, là nền tảng mô hình thủy văn quốc gia của Úc, đây là một công cụ lập mô hình thủy văn và vận hành tổng hợp số liệu thủy văn nhằm đưa ra các giải pháp, hỗ trợ công tác quản lý, điều hành và ban hành các chính sách, pháp lý về tài nguyên nước.

Digital Data Australia Open Data Cube là Bộ dữ liệu số mở - một công cụ tổ chức dữ liệu, thông tin từ xa và được phân tích thành các dạng sẵn sàng xác định được tính khả dụng và sử dụng nước tại Úc.

Các công cụ dự báo khí tượng và hệ thống thông tin tài nguyên nước liên quan của Úc.

Ngoài việc cung cấp thông tin về từng công cụ trong ba công cụ, các chuyên gia Úc còn giới thiệu một nghiên cứu điển hình tích hợp ba công cụ để đưa ra những ước tính về nguồn nước cũng như dự báo dòng chảy từ dữ liệu lượng mưa vệ tinh ở Campuchia - một dự án thí điểm.

Các công cụ quản lý nước hiệu quả, quản lý dữ liệu tốt đã củng cố các giải pháp cải cách trong quản lý nước của Úc. Thông qua hệ thống các công cụ nước -WaterTools, Chính phủ Úc cam kết chia sẻ kinh nghiệm, công cụ và phương pháp của mình để hỗ trợ các chính phủ và chính quyền nước khác xây dựng năng lực quản lý tài nguyên nước. Bên cạnh đó, công cụ tích hợp này cũng có thể cung cấp cơ hội để tăng cường thông tin nước có sẵn cho các quốc gia có mạng lưới đo trên mặt đất hạn chế.

Trong buổi giới thiệu, các chuyên gia Úc đã trình bày các số liệu về hạn hán trên các công cụ không gian được kết hợp với mô hình dự báo khí hậu và mô hình thủy văn để hỗ trợ quản lý nước tốt hơn thông qua chương trình thí điểm "Cơ chế hạn hán khu vực châu Á và Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc tại Thái Bình Dương (UN ESCAP), áp dụng thí điểm tại Campuchia" - Đây là một sáng kiến tập hợp các chuyên gia từ các quốc gia và tổ chức có kinh nghiệm sử dụng các ứng dụng không gian hoặc hệ thống thông tin khác để quản lý hạn hán, nhằm hỗ trợ các nước đang phát triển có nguy cơ và dễ bị hạn hán. Các cuộc thảo luận sẽ tập trung vào làm thế nào để làm để có thể dễ dàng truy cập và sử dụng thông tin một cách tốt nhất.

Ngoài ra, các chuyên gia Úc cũng chính thức ra mắt của bản Hướng dẫn các công cụ nước - WaterTools của họ, trong đó giới thiệu ba công cụ trên và cách thức để có thể hỗ trợ quản lý nước ở bất cứ đâu trên thế giới. Hướng dẫn này là một phần trong cam kết của Chính phủ Úc trong việc chia sẻ kiến thức và xây dựng năng lực của các chính phủ đối tác để quản lý tài nguyên nước. ❖

Nguồn: DWRM (dịch)